TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Bản án số: 328/2018/HNGĐ-ST Ngày 21 - 11 - 2018 V/v tranh chấp về ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Khải

2. Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Châm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 21/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 190/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2018/QĐST- HNGĐ ngày 05/11/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị Th - Sinh năm 1997.
Địa chỉ: Bản H, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.
2. Bị đơn: Anh Lù Văn H - Sinh năm 1995.
Địa chỉ: bản N, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên
(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 24/5/2018 và lời khai trong bản tự khai cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lò Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lù Văn H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 16/6/2016, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Tuy nhiên do anh, chị tìm hiểu nhau trước hôn nhân chưa kỹ nên sau khi về chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau. Anh, chị đã sống ly thân từ ngày 01/7/2016 cho đến

nay không còn đi lại, quan tâm gì đến nhau nữa. Từ ngày đăng ký kết hôn đến nay, anh chị cũng chưa tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Nay xét thấy tình cảm giữa chị và anh H không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lù Văn H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về và diện tích ruộng, nương: Không có.

Tại bản tự khai đề ngày 24 tháng 5 năm 2018, bị đơn anh Lù Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Ngày 16/6/2016, anh và chị Th tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Anh, chị kết hôn nhưng chưa tổ chức đám cưới theo phong tục. Do quá trình chung sống không hợp nhau nên anh chị chỉ sống chung được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Anh chị đã sống ly thân từ ngày 01/7/2016 cho đến nay, không còn đi lại quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị Th làm đơn xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí ly hôn với chị Th.

Về con chung: Không có.

Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về và diện tích ruộng, nương: Không có.

Tại biên bản xác minh ngày 15/8/2018, chính quyền xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên cung cấp như sau:

Năm 2016, anh H và chị Th đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ. Tuy nhiên, sau khi đăng ký kết hôn anh H và chị Th chỉ về chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H và chị Th có thời gian tìm hiểu trước hôn nhân ngắn, chưa hiểu rõ về tính cách và hoàn cảnh của nhau. Hai bên gia đình cũng chưa tổ chức lễ cưới cho anh H và chị Th theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn được khoảng 01 tháng, thì anh H thường xuyên bỏ đi làm ăn, thỉnh thoảng mới về địa phương. Gia đình và chính quyền địa phương không biết anh H đi làm ăn ở đâu. Anh H và chị Th không có con chung và cũng không có tài sản chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên đã tống đạt trực tiếp thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo các nội dung và yêu cầu cụ thể của chị Th cho anh H biết để anh H thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh H vẫn cố tình vắng mặt và không có ý kiến gì khác ngoài bản tự khai ngày 24/5/2018.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lò Thị Th vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H theo nội dung đơn xin ly hôn chị Th đã trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đều tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th; Về con chung: Không có; Về quan hệ tài sản: Không có; Về án phí: Miễn án phí DSST cho chị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Lò Thị Th có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lù Văn H, vợ chồng chưa có con chung, tài sản chung, vì vậy xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Anh H có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại bản N, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, sau khi bị đơn nhận Thông báo thụ lý vụ án và trình bày lời khai vào ngày 24/5/2018 thì đã thường xuyên bỏ đi làm ăn, thỉnh thoảng mới có mặt tại địa phương. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa anh Lù Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lò Thị Th và anh Lù Văn H kết hôn vào ngày 16/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Chị Th và anh H kết hôn với nhau là tự nguyện, không bị ai ép buộc và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo qui định tại Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa chị Th và anh H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Chị Th và anh H chỉ chung sống cùng nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H và chị Th có thời gian tìm hiểu trước hôn nhân ngắn, chưa hiểu rõ về tính cách và hoàn cảnh của nhau. Từ ngày 01/7/2016 cho đến nay, chị Th và anh H sống ly thân, không còn đi lại, quan tâm gì đến nhau nữa, anh H thường xuyên đi làm ăn xa nhà còn chị Th sống cùng mẹ đẻ tại bản H, xã Th, huyện Đ. Từ khi đăng ký kết hôn đến nay, hai bên gia đình cũng chưa tổ chức lễ cưới và cho anh chị theo phong tục.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ giữa chị Th và anh H về mặt pháp luật là vợ chồng nhưng trên thực tế mỗi người sống một nơi, anh chị có thời gian chung sống với nhau rất ngắn. Việc mỗi người sống một nơi không phải do anh H và chị

Th thỏa thuận hay do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác mà nguyên nhân là do anh H và chị Th không còn yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị Th theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị Th và anh Lù Văn H không có con chung.

[4] Về tài sản:

Chị Lò Thị Th và anh Lù Văn H đều khai nhận: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ lấy về, nợ phải trả, diện tích ruộng, nương: Không có.

[5] Về án phí:

Xét thấy chị Lò Thị Th là người dân tộc thiểu số, cư trú tại bản H, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên là nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 582/QĐ-TTg, ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ; chị đã có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí; Tại phiên tòa chị đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí DSST cho chị. Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 và khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Miễn án phí DSST cho chị Th.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị Th được ly hôn anh Lù Văn H.

2. Về con chung: Chị Lò Thị Th và anh Lù Văn H không có con chung.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; diện tích ruộng, nương: Không có.

4. Về án phí: Chị Lò Thị Th được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/11/2018). Anh Lù Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh;*
- *VKSND H.ĐB*;
- *Chi cục THSDS H.ĐB;*
- *Đương sự;*
- *UBND xã P;*
- *Lưu./*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Nguyễn Văn Duy